

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1267/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: A

HKTT: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

Tạm trú: căn hộ số B-16.01, tháp B chung cư C, số E Q, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Tạ Thị Phương T1, sinh năm 1994

Căn cước công dân số: B

HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện H, Thành phố Hà Nội

Tạm trú: căn hộ số B-16.01, tháp B chung cư C, số E Q, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2022 ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hà Nội;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Phạm Văn T và bà Tạ Thị Phương T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Con chung: Không có.

2.2. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Ông Phạm Văn T tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0027071 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CCTHADS TP. Thủ Đức;
- UBND xã Đ...;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ